

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN
CỬU LONG AN GIANG**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	12 - 39
8. Phụ lục 1	40
9. Phụ lục 2	41

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600680398 (số cũ là 5203000065), đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 4 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 22 tháng 9 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang
- Điện thoại : +84 (0296) 393 1000 – 393 2821
- Fax : +84 (0296) 393 2446 – 393 2099

Hoạt động kinh doanh của Công ty là: bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; nuôi trồng thủy sản nội địa; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa; chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản; cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển; bán buôn thực phẩm; cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng; kho bãi và lưu giữ hàng hóa; chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; chế biến và bảo quản rau quả; sản xuất dầu, mỡ động, thực vật; chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa; sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; sản xuất các loại bánh từ bột; sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo; sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự; sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn; sản xuất chè; sản xuất cà phê; sản xuất hạt nêm, gia vị, bột ngọt, bột cà ri, bột ngũ vị hương, bột khô bò, bột xà xiu, hạt tiêu, bột tiêu, bột ớt; cháo ăn liền; sản xuất các sản phẩm cà phê như: cà phê hòa tan, cà phê lọc, chiết xuất cà phê; sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; đầu tư cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu du lịch, khách sạn, cao ốc văn phòng; hoạt động đầu tư trực tiếp, đầu tư gián tiếp (tuân thủ pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động); đầu tư thực hiện việc sáp nhập và mua lại doanh nghiệp (tuân thủ pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động).

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Trần Thị Vân Loan	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2018
Ông Nguyễn Xuân Hải	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2018
Ông Trần Tuấn Khanh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2018
Ông Trần Văn Thà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2020
Bà Nguyễn Thương Nhật Vi	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2018 Miễn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2022

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Phù Chí Khai	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2018
Bà Phan Thị Cẩm Tú	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2018
Bà Dương Ngọc Diễm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2021

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Xuân Hải	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2020
Ông Trần Tuấn Khanh	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2018
Bà Nguyễn Thương Nhật Vi	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Trần Thị Vân Loan – Chủ tịch Hội đồng quản trị (tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ Chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Trần Thị Vân Loan
Chủ tịch

Ngày 24 tháng 8 năm 2022

Số: 1.1352/22/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 24 tháng 8 năm 2022, từ trang 05 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Nguyễn Minh Trí - Phó Tổng Giám đốc
Số GCN ĐKHN kiểm toán: 0089-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 8 năm 2022

Nguyễn Thùy Trang - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3592-2021-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.241.325.664.562	1.158.362.257.259
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		80.861.120.829	102.152.820.485
1. Tiền	111	V.1	80.861.120.829	102.152.820.485
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		158.271.241.034	137.045.756.610
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	163.412.306.162	138.644.458.385
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	8.748.696.188	5.578.254.319
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	4.437.299.210	4.845.351.002
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(18.327.060.526)	(12.022.307.096)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		926.568.051.240	852.626.851.763
1. Hàng tồn kho	141	V.6	926.568.051.240	852.626.851.763
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		75.625.251.459	66.536.828.401
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	1.031.089.822	219.635.604
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		74.580.491.575	66.303.324.735
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	13.670.062	13.868.062
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		282.626.820.386	299.817.057.575
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		267.838.622.402	284.974.721.479
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	219.318.764.312	235.469.455.849
- Nguyên giá	222		649.714.239.582	647.861.784.219
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(430.395.475.270)	(412.392.328.370)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	48.519.858.090	49.505.265.630
- Nguyên giá	228		72.582.041.278	72.582.041.278
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(24.062.183.188)	(23.076.775.648)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		6.095.218.123	6.104.041.243
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	6.095.218.123	6.104.041.243
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.000.000.000	1.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.11b	3.600.000.000	3.600.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.11b	(3.600.000.000)	(3.600.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.11a	1.000.000.000	1.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7.692.979.861	7.738.294.853
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	6.409.462.737	6.089.827.437
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	1.283.517.124	1.648.467.416
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.523.952.484.948	1.458.179.314.834

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		721.253.870.159	751.726.674.397
I. Nợ ngắn hạn	310		721.253.870.159	751.726.674.397
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	32.585.248.333	73.381.927.909
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	27.235.957.013	28.126.881.643
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	15.182.385.703	6.390.831.847
4. Phải trả người lao động	314	V.16	11.144.325.759	10.949.350.702
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	8.398.830.542	9.602.493.610
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	4.271.656.409	27.273.146.001
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	622.416.007.273	595.982.583.558
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		19.459.127	19.459.127
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

80398-
C TY
P
LÀU THỦY S
LONG
ANG
N - T. AN

915-C
TY
HỮU HẠ
TƯ VẤN
C
TỔ CHỨC

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		802.698.614.789	706.452.640.437
I. Vốn chủ sở hữu	410		802.698.614.789	706.452.640.437
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20a	501.590.190.000	501.590.190.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		501.590.190.000	501.590.190.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.20a	15.520.224.200	15.520.224.200
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20a	14.880.252.832	14.880.252.832
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20a	270.707.947.757	174.461.973.405
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		174.461.973.405	174.461.973.405
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		96.245.974.352	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.523.952.484.948	1.458.179.314.834

Trương Minh Duy
Kế toán trưởng/Người lập



An Giang, ngày 24 tháng 8 năm 2022

Trần Thị Vân Loan
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thới, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	581.878.638.189	671.280.308.828
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	3.440.946.050	10.097.063.100
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		578.437.692.139	661.183.245.728
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	391.798.629.366	590.121.984.686
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		186.639.062.773	71.061.261.042
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	4.974.253.211	3.140.807.585
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	17.010.545.057	17.435.762.031
Trong đó: chi phí lãi vay	23		16.386.144.062	16.963.886.928
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	37.023.896.254	19.069.345.861
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	25.139.582.943	12.982.917.703
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		112.439.291.730	24.714.043.032
12. Thu nhập khác	31		18.011.381	30.000.000
13. Chi phí khác	32	VI.8	1.499.781.294	316.529.151
14. Lợi nhuận khác	40		(1.481.769.913)	(286.529.151)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		110.957.521.817	24.427.513.881
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	14.346.597.173	2.855.602.300
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		364.950.292	(109.348.997)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>96.245.974.352</u>	<u>21.681.260.578</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		96.245.974.352	21.681.260.578
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9a,b	<u>1.919</u>	<u>432</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9a,b	<u>1.919</u>	<u>432</u>

Trương Minh Duy
Kế toán trưởng/Người lập

An Giang, ngày 24 tháng 8 năm 2022

Trần Thị Vân Loan
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		110.957.521.817	24.427.513.881
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8, 9	18.988.554.440	21.890.246.379
- Các khoản dự phòng	03	V.5	6.304.753.430	(19.270.578)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4, VI.5	(1.019.692.791)	120.702.852
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	-
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	16.386.144.062	16.963.886.928
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		151.617.280.958	63.383.079.462
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(9.009.730.506)	107.799.406.303
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(73.941.199.477)	66.278.874.939
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(69.661.156.493)	15.184.933.960
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.131.089.518)	264.687.468
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.17, VI.5	(14.146.853.127)	(17.367.562.185)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(6.288.513.316)	(2.439.110.909)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(22.561.261.479)	233.104.309.038
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8, 10	(1.843.632.243)	(1.201.115.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.843.632.243)	(1.201.115.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	627.917.828.321	899.255.675.154
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(601.802.484.606)	(1.112.377.288.443)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.18	(23.199.008.340)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2.916.335.375	(213.121.613.289)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(21.488.558.347)	18.781.580.749
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	102.152.820.485	38.781.028.129
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		196.858.691	(6.472.054)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	80.861.120.829	57.556.136.824

Trương Minh Duy
Kế toán trưởng/Người lập



An Giang, ngày 24 tháng 8 năm 2022

Trần Thị Vân Loan
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản; mua bán cá và thủy sản; nuôi trồng thủy sản; chế biến thức ăn thủy sản; chế biến thức ăn gia súc.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.

Công ty con là Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Đông Á có trụ sở chính tại lô B, Khu công nghiệp Bình Long, xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản, mua bán cá và thủy sản, dịch vụ gia công thủy sản. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 100% (số đầu năm là 100%). Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 921 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.618 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn là trái phiếu được nắm giữ với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thới, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là chi phí sửa chữa, bảo trì. Chi phí sửa chữa, bảo trì phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 35
Máy móc và thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời hạn sử dụng, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

14. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông Công ty mẹ.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

16. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm như người sở hữu sản phẩm hoặc quyền kiểm soát sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy sản phẩm, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ sau.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thợ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

23. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm có tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các công cụ tài chính không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm có các khoản phải trả người bán, các khoản vay và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	20.802.024.158	11.442.093.951
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	60.059.096.671	90.710.726.534
Cộng	80.861.120.829	102.152.820.485

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu bên liên quan</i>	-	3.724.416.000
Ông Trần Tuấn Khải	-	3.724.416.000
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	163.412.306.162	134.920.042.385
Grupo Almos S.A.DEC.V	5.001.862.500	4.904.550.000
Quwat Albahr For Trading	5.203.773.522	5.102.532.792
LLC Sata fish Co., Ltd.	6.350.457.150	6.226.907.400
M. AL Nuaimi Foodstuff Trading L.L.C	6.192.826.200	3.736.303.200
Comercializadora Mexico Americana S.DER.L		
DECV	67.140.875.808	27.663.521.760
Mohammed S.H. Shama Comercial EST	9.095.872.500	8.918.910.000
Piau Kee Live & Frozon Seafood Sdn Bhd	5.734.632.465	5.623.063.740

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Alliance Foods Company LLC	3.006.900.000	9.145.982.160
M/S Barbeque - Nation Hospitality Ltd	5.916.191.400	-
Các khách hàng khác	49.768.914.617	63.598.271.333
Cộng	163.412.306.162	138.644.458.385

Một số công nợ phải thu cuối kỳ có tổng giá trị ghi sổ là 113.033.446.020 VND đã được dùng để chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.19).

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bà Trịnh Thị Hương	931.350.700	931.350.700
Công ty TNHH Kiểm định Tư vấn và Đầu tư Xây dựng Nam Mekong	3.115.072.200	2.210.300.200
Công ty TNHH Cơ điện lạnh Thiên Lộc Phát	1.246.725.403	-
Công ty TNHH Xây dựng Song Thanh Tiến	386.091.500	729.100.000
Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang	900.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	2.169.456.385	1.707.503.419
Cộng	8.748.696.188	5.578.254.319

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tiền lãi ứng trước	619.430.200	-	619.430.200	-
Tạm ứng	2.880.127.070	-	3.491.058.749	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	937.741.940	(33.958.500)	734.862.053	(25.027.000)
Cộng	4.437.299.210	(33.958.500)	4.845.351.002	(25.027.000)

5. Nợ xấu

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Kanpa International Sales - phải thu tiền hàng	Trên 3 năm	1.678.659.750	-	Trên 3 năm	1.646.001.000	-
Promark F.Z.E (Promark General Trading) - phải thu tiền hàng	Trên 3 năm	354.606.030	-	Trên 3 năm	347.707.080	-
LLC Sata Fish Ltd. - phải thu tiền hàng	Trên 03 năm	6.350.457.150	-	Trên 3 năm	6.226.907.400	-
Zhanjiang Best And Fresh Seafood Co., Ltd. - phải thu tiền hàng	Trên 3 năm	2.543.234.825	1.271.617.412	Trên 3 năm	2.547.780.400	1.291.478.403
Phải thu các tổ chức khác - phải thu tiền hàng	Trên 3 năm	28.704.054.282	20.997.643.299	Trên 3 năm	26.143.134.743	24.554.122.824
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác - trả trước người bán	Trên 3 năm	1.094.479.000	163.128.300	Từ 1 năm đến trên 3 năm	1.094.479.000	163.128.300
Phải thu các cá nhân khác - phải thu khác	Từ 1 năm đến trên 3 năm	88.003.649	54.045.149	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	90.140.649	65.113.649
Cộng		40.813.494.686	22.486.434.160		38.096.150.272	26.073.843.176

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	12.022.307.096	12.162.877.629
Trích lập dự phòng bổ sung	6.304.753.430	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(19.270.578)
Số cuối kỳ	18.327.060.526	12.143.607.051

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	60.765.904.497	-	25.271.136.910	-
Công cụ, dụng cụ	12.617.858.043	-	11.670.878.770	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	178.608.856.994	-	229.061.371.212	-
Thành phẩm	674.575.431.706	-	564.943.576.464	-
Hàng gửi đi bán	-	-	21.679.888.407	-
Cộng	926.568.051.240	-	852.626.851.763	-

Một số nguyên liệu, vật liệu, chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang và thành phẩm tồn kho cuối kỳ có tổng giá trị ghi sổ là 713.602.131.917 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.19).

7. Chi phí trả trước**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	454.388.622	56.666.664
Chi phí sửa chữa	115.441.665	162.968.940
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	461.259.535	-
Cộng	1.031.089.822	219.635.604

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa, bảo trì	6.409.462.737	6.089.827.437
Cộng	6.409.462.737	6.089.827.437

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	220.199.681.083	415.894.744.470	9.146.144.776	2.621.213.890	647.861.784.219
Mua trong kỳ	392.992.636	370.000.000	-	-	762.992.636
Xây dựng cơ bản hoàn thành	408.198.182	-	681.264.545	-	1.089.462.727
Phân loại lại tài sản	142.954.545	-	(142.954.545)	-	-
Số cuối kỳ	221.143.826.446	416.264.744.470	9.684.454.776	2.621.213.890	649.714.239.582
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	45.332.110.353	121.373.983.794	4.400.532.142	2.112.850.253	173.219.476.542
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	124.214.791.704	279.009.127.312	6.650.772.794	2.517.636.560	412.392.328.370
Khấu hao trong kỳ	5.406.260.670	12.151.569.794	419.898.258	25.418.178	18.003.146.900
Phân loại lại tài sản	73.859.856	-	(73.859.856)	-	-
Số cuối kỳ	129.694.912.230	291.160.697.106	6.996.811.196	2.543.054.738	430.395.475.270

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	95.984.889.379	136.885.617.158	2.495.371.982	103.577.330	235.469.455.849
Số cuối kỳ	91.448.914.216	125.104.047.364	2.687.643.580	78.159.152	219.318.764.312
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 161.357.989.264 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.19).

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	72.264.241.278	317.800.000	72.582.041.278
Số cuối kỳ	72.264.241.278	317.800.000	72.582.041.278
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	317.800.000	317.800.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	22.758.975.648	317.800.000	23.076.775.648
Khấu hao trong kỳ	985.407.540	-	985.407.540
Số cuối kỳ	23.744.383.188	317.800.000	24.062.183.188
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	49.505.265.630	-	49.505.265.630
Số cuối kỳ	48.519.858.090	-	48.519.858.090
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Toàn bộ quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 48.519.858.090 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.19).

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
- Quyền khai thác đất bãi bồi vùng nuôi Mỹ Hòa Hưng	1.744.787.500	-	-	-	1.744.787.500
- Khung bê tông cọc đá sàn bến cá PX2	-	247.289.091	(247.289.091)	-	-
- Cầu trục lên cá PX2	-	160.909.091	(160.909.091)	-	-
- Băng chuyển tải cá từ bến cá đến PX2	-	681.264.545	(681.264.545)	-	-
- Các công trình khác	4.359.253.743	-	-	(8.823.120)	4.350.430.623
Cộng	6.104.041.243	1.089.462.727	(1.089.462.727)	(8.823.120)	6.095.218.123

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

11. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

11a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tập đoàn đầu tư 10.000 trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam với giá mua là 1.000.000.000 VND, thời gian 10 năm.

11b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Khoản đầu tư cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Tô Châu theo Hợp đồng mua cổ phiếu số 1/2008/CLAG ngày 02 tháng 02 năm 2008 với số lượng 1.000.000 cổ phiếu mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu, tương đương 10% vốn điều lệ. Theo Công văn số 83/CLAG/08 ngày 27 tháng 5 năm 2008 về việc ngưng góp vốn thêm, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang chỉ mua 300.000 cổ phiếu, với giá mua 12.000 VND/cổ phiếu. Hiện tại Tập đoàn nắm giữ 03% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tô Châu.

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

12. Thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và lãi tính thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại sau bù trừ
Số đầu năm	1.745.345.437	(96.878.021)	1.648.467.416
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(176.812.024)	(188.138.268)	(364.950.292)
Số cuối kỳ	<u>1.568.533.413</u>	<u>(285.016.289)</u>	<u>1.283.517.124</u>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại tại Công ty mẹ là 15%, Công ty con là 10%.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả do các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và chênh lệch tạm thời chịu thuế liên quan đến cùng một đối tượng nộp thuế và được quyết toán với cùng một cơ quan thuế.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả bên liên quan</i>	-	8.744.340.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long	-	8.744.340.000
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	32.585.248.333	64.637.587.909
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Khai	-	17.869.672.400
Anh Bình Thuận	-	5.165.016.000
Ông Võ Hồng Phương	-	2.783.948.500
Bà Dương Thị Huệ	4.268.170.000	38.818.951.009
Các nhà cung cấp khác	28.317.078.333	
Cộng	<u>32.585.248.333</u>	<u>73.381.927.909</u>

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chongqing Guanlei Shuichan Co., Ltd.	1.064.591.000	1.064.591.000
Sanghai Bay Aquatic 1	1.103.461.240	1.103.461.240
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Nguyệt Trang	2.600.273.666	4.645.546.866
Ông Nguyễn Văn Long	4.075.000.000	6.367.985.150
Ông Nguyễn Chí Hân	485.000.000	2.487.512.596
Bà Nguyễn Thị Kim Huyền	3.545.588.766	673.668.433
Lanesync Supply Chain Service Co.,Ltd	2.750.400.000	83.232.000
Các khách hàng khác	11.611.642.341	11.700.884.358
Cộng	27.235.957.013	28.126.881.643

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước được trình bày ở Phụ lục 1 đính kèm.

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thành phẩm xuất khẩu : 0%
- Thành phẩm tiêu thụ nội địa : Không phải kê khai, không chịu thuế, 5%
- Dịch vụ : 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang

Năm 2013 Công ty đã đưa vào hoạt động nhà máy chế biến thức ăn thủy sản, dự án được hưởng ưu đãi theo thuế suất 15% trong 12 năm, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm. Năm 2022 là năm cuối dự án được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Năm 2018 Công ty đã đưa vào hoạt động hệ thống máy móc thiết bị, nhà xưởng chế biến thủy sản mới do đầu tư mở rộng, dự án được hưởng ưu đãi theo thuế suất hiện hành, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm. Năm 2022 là năm thứ 3 dự án đầu tư mở rộng được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Năm 2019 Công ty đã đưa vào hoạt động hệ thống máy móc thiết bị, nhà xưởng chế biến thủy sản mới do đầu tư mở rộng, dự án được hưởng ưu đãi theo thuế suất hiện hành, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm. Năm 2022 là năm thứ 2 dự án đầu tư mở rộng được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Đông Á

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% đối với thu nhập từ nuôi trồng, chế biến thủy sản do thực hiện ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thu nhập từ các hoạt động khác Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang	12.781.657.227	2.696.399.693
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Đông Á	1.564.939.946	159.202.607
Cộng	14.346.597.173	2.855.602.300

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nguồn nước tự nhiên với mức 4.000 VND/m³.

Tiền thuê đất

Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất như sau:

- Đất thuê tại Khu tiểu thủ công nghiệp Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang với mức 10.500 VND/m²/năm cho diện tích 14.602 m², 42.000 VND/m²/năm cho diện tích 5.044,8 m² và 25.000 VND/m²/năm cho diện tích 8.624,2 m². Tiền thuê đất được trả hằng năm theo thông báo của cơ quan thuế.
- Đất thuê tại Lô B, Khu công nghiệp Bình Long, xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang với mức 0,45 USD/m²/năm cho diện tích 31.528,8 m² theo quy định tại Điều 2 Hợp đồng thuê đất số 11/HĐ.TĐ ngày 13 tháng 5 năm 2010. Giá tiền thuê được ổn định trong 05 năm kể từ ngày 04 tháng 5 năm 2010 đến ngày 04 tháng 5 năm 2015, hết thời hạn này, giá tiền thuê đất được tính lại theo quy định của Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước. Thời hạn thuê là 49 năm. Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 522210000013 ngày 09 tháng 02 năm 2010 do Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh An Giang cấp, Tập đoàn được miễn tiền thuê đất 11 năm (từ năm 2011 đến năm 2022).

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

16. Phải trả người lao động

Lương tháng 6 năm 2022 còn phải trả cho người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả bên liên quan</i>	768.706.850	-
Bà Trần Thị Vân Loan - chi phí lãi vay phải trả	768.706.850	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	7.630.123.692	9.602.493.610
Chi phí lãi vay	2.199.667.435	729.083.350
Chi phí cước tàu và phí chứng từ	2.669.633.258	3.905.398.159
Chi phí vận chuyển	1.780.937.191	4.414.250.756
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	979.885.808	553.761.345
Cộng	8.398.830.542	9.602.493.610

18. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả bên liên quan</i>	44.695.264	44.695.264
Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích - lợi nhuận phải trả	44.695.264	44.695.264
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	4.226.961.145	27.228.450.737
Kinh phí công đoàn	3.071.548.810	3.001.367.711
Bảo hiểm xã hội	630.326.393	343.751.370
Bảo hiểm y tế	314.487.532	344.790.456
Bảo hiểm thất nghiệp	161.308.567	140.461.959
Cổ tức còn phải trả	2.199.175	23.201.207.515
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	47.090.668	196.871.726
Cộng	4.271.656.409	27.273.146.001

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

19. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay các cá nhân có liên quan ⁽ⁱ⁾</i>	86.750.000.000	91.000.000.000
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	535.666.007.273	504.982.583.558
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang ⁽ⁱⁱ⁾	421.615.556.304	305.172.640.979
Vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) ⁽ⁱⁱⁱ⁾	14.200.000.000	40.300.000.000
Vay Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Cần Thơ ^(iv)	13.279.840.000	27.040.800.000
Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang ^(v)	65.769.460.969	86.869.142.579
Vay Ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(vi)	14.200.000.000	45.600.000.000
Vay Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) ^(vii)	6.601.150.000	-
Cộng	622.416.007.273	595.982.583.558

(i) Tập đoàn vay không có tài sản đảm bảo các cá nhân có liên quan để bổ sung vốn lưu động mua nguyên liệu, chế biến thủy sản và chi phí nuôi cá tra hằm với lãi suất thỏa thuận, theo từng lần nhận nợ nhưng không vượt quá lãi suất vay ngân hàng, thời hạn vay 12 tháng.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang chi tiết như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Công ty mẹ: vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C với lãi suất thỏa thuận theo từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, thời hạn vay 12 tháng.
- Công ty con: vay bổ sung vốn lưu động với lãi suất thỏa thuận theo từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể.

Các khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nợ phải thu, hàng tồn kho, nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.2, V.6, V.8 và V.9).

- (iii) Khoản vay của Công ty mẹ tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) để đáp ứng nhu cầu vốn của Công ty cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đầu tư phát triển, nhu cầu dịch vụ thương mại (bao gồm phát hành bảo lãnh) và nhu cầu chi tiêu với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 5 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nợ phải thu và máy móc thiết bị (xem thuyết minh số V.2 và V.8).
- (iv) Khoản vay của Công ty mẹ tại Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Cần Thơ để đáp ứng nhu cầu bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho luân chuyển (xem thuyết minh số V.6).
- (v) Khoản vay của Công ty mẹ tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động, mở LC, phát hành bảo lãnh, chiết khấu, bao thanh toán phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nợ phải thu, hàng tồn kho, nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị và quyền sử dụng đất của Tập đoàn (xem thuyết minh số V.2, V.6, V.8 và V.9).
- (vi) Khoản vay của Công ty mẹ tại Ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 6 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nợ phải thu, hàng tồn kho và chuyển giao quyền thụ hưởng hợp đồng bảo hiểm hàng tồn kho thế chấp cho ngân hàng (xem thuyết minh số V.2 và V.6).
- (vii) Khoản vay của Công ty mẹ Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) để tài trợ mua nguyên vật liệu, hàng hóa, dịch vụ và nhu cầu vốn lưu động chung với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho theo hình thức thả nổi (bao gồm nhưng không giới hạn nguyên vật liệu, hàng đang sản xuất, thành phẩm,...) được lưu kho tại nhà kho số 90, Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, An Giang có giá trị thế chấp bằng 100% dư nợ vay tại mọi thời điểm (xem thuyết minh số V.6).

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	504.982.583.558	592.167.828.321	-	(561.802.484.606)	535.347.927.273
Vay ngắn hạn cá nhân	91.000.000.000	35.750.000.000	318.080.000	(40.000.000.000)	87.068.080.000
Cộng	<u>595.982.583.558</u>	<u>627.917.828.321</u>	<u>318.080.000</u>	<u>(601.802.484.606)</u>	<u>622.416.007.273</u>

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thợ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 2 đính kèm.

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bà Trần Thị Vân Loan	262.999.500.000	262.999.500.000
Ông Trần Tuấn Khanh	23.747.590.000	23.747.590.000
Ông Trần Minh Nhựt	23.153.590.000	23.153.590.000
Ông Trần Tuấn Nam	23.153.590.000	23.153.590.000
Bà Trần Thị Thu Vân	23.153.590.000	23.153.590.000
Các cổ đông khác	145.382.330.000	145.382.330.000
Cộng	501.590.190.000	501.590.190.000

20c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.159.019	50.159.019
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50.159.019	50.159.019
- Cổ phiếu phổ thông	50.159.019	50.159.019
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.159.019	50.159.019
- Cổ phiếu phổ thông	50.159.019	50.159.019
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20d. Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ/CLAG/2022 ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty mẹ đã thông qua việc sẽ giữ lại phần còn lại lợi nhuận năm 2021 để bổ sung vốn kinh doanh sau khi thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ chi trả 6% mệnh giá và thông qua kế hoạch chia cổ tức bằng tiền năm 2022 dự kiến ít nhất 10% mệnh giá.

Trong năm trước, Công ty mẹ đã tạm ứng cổ tức năm 2021 với tỷ lệ chi trả 6% mệnh giá, tương đương số tiền là 30.095.411.400 VND theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng quản trị.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ

21a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	582.532.440	582.532.440
Trên 01 năm đến 05 năm	2.330.129.760	2.330.129.760
Trên 05 năm	17.044.344.730	17.044.344.730
Cộng	19.957.006.930	19.957.006.930

Tập đoàn thuê đất dưới hình thức thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có hiệu lực trong 50 năm và có khả năng được gia hạn thêm. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**21b. Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	1.422.464,67	3.061.329,58
Euro (EUR)	468,59	468,59
Nhân dân tệ (CNY)	5.335,00	5.335,00

21c. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Alliance Seafood Group	4.456.515.598	4.456.515.598
Montkaura, S.L	4.809.535.666	4.809.535.666
Piau Kee Live & Frozen Seafood Sdn	2.513.095.200	2.513.095.200
Wilbo S.A	532.400.850	532.400.850
Các khách hàng khác	669.709.611	669.709.611
Cộng	12.981.256.925	12.981.256.925

Các khoản công nợ trên được xoá sổ do đã quá hạn không thanh toán và không có khả năng thu hồi.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm	494.333.306.966	617.298.384.998
Doanh thu bán phụ phẩm	87.545.331.223	53.981.923.830
Cộng	581.878.638.189	671.280.308.828

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan
Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng cho các bên liên quan.**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	-	684.750.000
Hàng bán bị trả lại	3.186.732.150	9.309.888.000
Giảm giá hàng bán	254.213.900	102.425.100
Cộng	3.440.946.050	10.097.063.100

3. Giá vốn hàng bán

Giá vốn của thành phẩm đã bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	18.790.975	12.544.468
Lãi bán hàng trả chậm	-	1.821.856.592
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.935.769.445	1.306.406.525
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.019.692.791	-
Cộng	4.974.253.211	3.140.807.585

5. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	16.386.144.062	16.963.886.928
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	624.400.995	351.172.251
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	120.702.852
Cộng	17.010.545.057	17.435.762.031

6. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí vật liệu, bao bì	12.049.381.469	8.541.362.171
Phí kiểm nghiệm, phí vi sinh	1.701.825.676	266.087.919
Phí vận chuyển	21.230.362.141	8.747.507.234
Các chi phí khác	2.042.326.968	1.514.388.537
Cộng	37.023.896.254	19.069.345.861

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	12.643.729.360	6.909.759.851
Chi phí đồ dùng văn phòng	229.916.223	140.714.227
Chi phí khấu hao tài sản cố định	384.315.036	384.315.036
Thuế, phí và lệ phí	354.314.691	521.639.123
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi	6.304.753.430	(19.270.578)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.385.939.509	3.135.700.191
Các chi phí khác	1.836.614.694	1.910.059.853
Cộng	25.139.582.943	12.982.917.703

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi hỗ trợ	115.216.000	70.750.000
Chi mua quà biếu, thưởng lễ	360.069.200	165.087.524
Chi nộp phạt	-	330.236
Các chi phí khác	1.024.496.094	80.361.391
Cộng	1.499.781.294	316.529.151

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**9. Lãi trên cổ phiếu****9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	96.245.974.352	21.681.260.578
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	96.245.974.352	21.681.260.578
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	50.159.019	50.159.019
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.919	432

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	323.057.844.118	446.247.877.377
Chi phí nhân công	74.942.787.336	50.385.759.952
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.988.554.440	21.890.246.379
Chi phí dịch vụ mua ngoài	61.113.189.418	41.277.952.841
Chi phí khác	13.359.185.868	5.157.534.612
Cộng	491.461.561.180	564.959.371.161

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tập đoàn không phát sinh giao dịch về bán hàng cho cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt, Tập đoàn chỉ phát sinh các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Vay	35.750.000.000	108.950.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Trả nợ vay	40.000.000.000	60.700.000.000
Lãi vay phải trả	768.706.850	-

Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Trả nợ vay	-	23.580.000.000
------------	---	----------------

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.17, V.18 và V.19.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm soát của Công ty mẹ

	Chức danh	Tiền lương	Phụ cấp	Cộng
Kỳ này				
Bà Trần Thị Vân Loan	Chủ tịch Hội đồng quản trị	342.644.000	70.800.000	413.444.000
Ông Nguyễn Xuân Hải	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	212.378.000	26.400.000	238.778.000
Ông Trần Tuấn Khanh	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	112.768.000	13.200.000	125.968.000
Bà Nguyễn Thương Nhật Vi	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	-	-	-
Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	Thành viên Hội đồng quản trị	24.507.110	24.190.890	48.698.000
Ông Phù Chí Khai	Trưởng Ban kiểm soát	53.863.000	26.400.000	80.263.000
Bà Phan Thị Cẩm Tú	Thành viên Ban kiểm soát	35.098.000	13.200.000	48.298.000
Bà Dương Ngọc Diễm	Thành viên Ban kiểm soát	33.771.800	14.400.000	48.171.800
Cộng		815.029.910	188.590.890	1.003.620.800

Kỳ trước

Bà Trần Thị Vân Loan	Chủ tịch Hội đồng quản trị	264.416.000	70.800.000	335.216.000
Ông Nguyễn Xuân Hải	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	167.217.000	26.400.000	193.617.000
Ông Trần Tuấn Khanh	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	88.907.000	13.200.000	102.107.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	Thành viên Hội đồng quản trị	15.305.110	24.190.890	39.496.000
Ông Phù Chí Khai	Trưởng Ban kiểm soát	56.480.000	20.400.000	76.880.000
Bà Phan Thị Cẩm Tú	Thành viên Ban kiểm soát	8.707.000	3.000.000	11.707.000
Bà Dương Ngọc Diễm	Thành viên Ban kiểm soát	28.311.000	12.600.000	40.911.000
Bà Trần Khánh Hiền	Thành viên Ban kiểm soát	16.260.000	10.000.000	26.260.000
Cộng		645.603.110	180.590.890	826.194.000

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long	Công ty có quan hệ mật thiết với Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Mỹ	Công ty có quan hệ mật thiết với Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Trong kỳ, Tập đoàn chỉ có phát sinh mua cá nguyên liệu với Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long với số tiền 7.398.857.950 VND (cùng kỳ năm trước không có giao dịch phát sinh)

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.13.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là hoạt động chế biến thức ăn và cá tra fillet đông lạnh. Doanh thu và giá vốn của hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1a và VI.3.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn phát sinh gồm xuất khẩu và nội địa.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Trong nước	130.285.881.223	455.399.200.131
Nước ngoài	448.151.810.916	205.784.045.597
Cộng	578.437.692.139	661.183.245.728

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thới, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ				
Tiền và các khoản tương đương tiền	80.861.120.829	-	-	80.861.120.829
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
Phải thu khách hàng	123.781.294.125	12.146.381.299	27.484.630.738	163.412.306.162
Các khoản phải thu khác	1.469.168.491	54.045.149	33.958.500	1.557.172.140
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	3.600.000.000	3.600.000.000
Cộng	207.111.583.445	12.200.426.448	31.118.589.238	250.430.599.131
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	102.152.820.485	-	-	102.152.820.485
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
Phải thu khách hàng	101.732.927.762	24.554.122.824	12.357.407.799	138.644.458.385
Các khoản phải thu khác	1.264.151.604	65.113.649	25.027.000	1.354.292.253
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	3.600.000.000	3.600.000.000
Cộng	206.149.899.851	24.619.236.473	15.982.434.799	246.751.571.123

3b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng là từ 01 năm trở xuống.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là vừa phải. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thới, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 01 tháng 01 năm 2022 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	USD	EUR	CNY	USD	EUR	CNY
Tiền	1.422.464,67	468,59	5.335,00	3.061.329,58	468,59	5.335,00
Phải thu khách hàng	5.943.066,82	-	2.703.292,50	5.020.190,76	-	2.703.292,50
Phải trả người bán	(18.255,10)	-	-	(18.255,10)	-	-
Vay và nợ	(568.000,00)	-	-	(1.186.000,00)	-	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	6.779.276,39	468,59	2.708.627,50	6.707.582,11	468,59	2.708.627,50

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 02% thì lợi nhuận trước thuế kỳ này của Tập đoàn sẽ tăng/giảm 3.136.093.258 VND (cùng kỳ năm trước tăng/giảm 2.197.429.540 VND).

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND với EUR và CNY đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể do tài sản thuần có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn chỉ có các khoản vay với lãi suất thả nổi tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 609.136.167.273 VND và 568.000 USD (số đầu năm là 568.941.783.558 VND và 1.186.000 USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 02% thì lợi nhuận trước thuế kỳ này của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 12.182.723.345 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 13.082.239.647 VND).

Rủi ro do biến động của lãi suất vay USD đến lợi nhuận trước thuế kỳ này của Tập đoàn là không đáng kể do số tiền vay USD nhỏ.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Bên cạnh đó, Tập đoàn đẩy mạnh phát triển vùng nuôi cá để chủ động nguồn nguyên liệu và quản lý rủi ro về giá nguyên liệu.

Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

3d. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tập đoàn thế chấp một số khoản nợ phải thu khách hàng để đảm bảo cho khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.2). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 113.033.446.020 VND (số đầu năm là 128.972.548.600 VND).

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2022.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	80.861.120.829	-	102.152.820.485	-	80.861.120.829	102.152.820.485
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Phải thu khách hàng	163.412.306.162	(17.361.751.326)	138.644.458.385	(11.065.929.396)	146.050.554.836	127.578.528.989
Các khoản phải thu khác	1.557.172.140	(33.958.500)	1.354.292.253	(25.027.000)	1.523.213.640	1.329.265.253
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	3.600.000.000	(3.600.000.000)	3.600.000.000	(3.600.000.000)	-	-
Cộng	250.430.599.131	(20.995.709.826)	246.751.571.123	(14.690.956.396)	229.434.889.305	232.060.614.727

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả người bán	32.585.248.333	73.381.927.909	32.585.248.333	73.381.927.909
Vay và nợ	622.416.007.273	595.982.583.558	622.416.007.273	595.982.583.558
Các khoản phải trả khác	8.492.815.649	33.045.268.115	8.492.815.649	33.045.268.115
Cộng	663.494.071.255	702.409.779.582	663.494.071.255	702.409.779.582

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

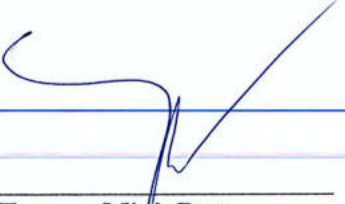
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Trương Minh Duy
Kế toán trưởng/Người lập

An Giang, ngày 24 tháng 8 năm 2022



Trần Thị Vân Loan
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Tho, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục 1: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.373.392.038	-	14.346.597.173	(6.288.513.316)	14.431.475.895	-
Thuế thu nhập cá nhân	12.941.289	13.868.062	105.368.852	(103.781.979)	14.330.162	13.670.062
Thuế tài nguyên	4.498.520	-	17.936.720	(19.233.400)	3.201.840	-
Tiền thuế đất, thuế nhà đất	-	-	912.249.395	(178.871.589)	733.377.806	-
Các loại thuế khác	-	-	1.510.499.789	(1.510.499.789)	-	-
Cộng	6.390.831.847	13.868.062	16.892.651.929	(8.100.900.073)	15.182.385.703	13.670.062

An Giang, ngày 24 tháng 8 năm 2022



Trần Thị Văn Loan
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Trương Minh Duy
Kế toán trưởng/Người lập



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục 2: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	501.590.190.000	15.520.224.200	14.880.252.832	162.469.209.246	694.459.876.278
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	21.681.260.578	21.681.260.578
Số dư cuối kỳ trước	501.590.190.000	15.520.224.200	14.880.252.832	184.150.469.824	716.141.136.856
Số dư đầu năm nay	501.590.190.000	15.520.224.200	14.880.252.832	174.461.973.405	706.452.640.437
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	96.245.974.352	96.245.974.352
Số dư cuối kỳ này	501.590.190.000	15.520.224.200	14.880.252.832	270.707.947.757	802.698.614.789

An Giang, ngày 24 tháng 8 năm 2022



Trần Thị Văn Loan
Chủ tịch Hội đồng quản trị



Trương Minh Duy
Kế toán trưởng/Người lập

CTY CP XNK TS CỬU LONG AG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Số: 05 BC/GTr.CLAG

(V/v Giải trình chênh lệch lợi nhuận

Sau thuế BCTC kiểm toán 06 tháng đầu 2022 so với 06 tháng đầu 2021)

Long Xuyên, ngày 26 tháng 08 năm 2022

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

Tên tổ chức niêm yết: CÔNG TY CP XNK THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Mã chứng khoán: ACL

Địa chỉ: Số 90 đường Hùng Vương, KCN Mỹ Quý, TP Long Xuyên, An Giang

Giải trình tình hình biến động lợi nhuận sau thuế Báo cáo tài chính kiểm toán 06 tháng đầu 2022 so với 06 tháng đầu năm 2021 (theo thông tư số 155/2015/TT-BTC của Bộ tài chính ban hành ngày 06/10/2015)

STT	Chỉ tiêu	BCTC Kiểm Toán 06 tháng đầu 2022	BCTC Kiểm toán 06 tháng đầu 2021	So sánh 06 tháng đầu 2022/ 06 tháng đầu 2021
1	BCTC Công ty Mẹ	84.730.623.992	20.159.725.465	Tăng +4,20 %
2	BCTC Hợp nhất	96.245.974.352	21.681.260.578	Tăng + 4,44 lần

Nguyên nhân:

1. Lợi Nhuận BCTC công ty mẹ tăng 4,20 lần so với cùng kỳ là do trong 06 tháng đầu năm 2022 doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm -14,82%, trong khi đó giá vốn hàng bán giảm tới -32,14%, do đó lợi nhuận gộp tăng 163,64% so với cùng kỳ.

2. Lợi Nhuận BCTC hợp nhất tăng 4,44 lần so với cùng kỳ là do trong 06 tháng đầu năm 2022 doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm -13,32%, trong khi đó giá vốn hàng bán giảm tới -33,61%, do đó lợi nhuận gộp tăng 162,65% so với cùng kỳ.

Trên đây là giải trình về tình hình biến động lợi nhuận sau thuế 06 tháng đầu năm 2022 so với 06 tháng đầu năm 2021, Công ty CP XNK Thủy Sản Cửu Long An Giang kính giải trình.



TRẦN THỊ VĂN LOAN